TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày: 25-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 221/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023, về Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Quốc T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1976; Nơi cư trú: Ấp LC, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Dương Thị Quốc T trình bày: Vào ngày 06 tháng 3 năm 2023, chị có cho anh Nguyễn Văn N mượn số tiền 100.000.000 đồng, có làm biên nhận hẹn 02 tháng trả nhưng đến nay anh N vẫn không trả tiền gốc và lãi cho chị cho dù chị đã nhắc nhở nhiều lần, chị yêu cầu anh Nguyễn Văn N phải trả cho chị số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi 07 tháng (từ tháng 5 năm 2023 đến ngày khởi kiện), lãi suất 02%/tháng với số tiền lãi là 14.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện. Tại phiên tòa hôm nay, chị thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh Nguyễn Văn N trả số tiền gốc còn nợ là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Quốc T; buộc bị đơn anh Nguyễn Văn N trả cho nguyên đơn chị Dương Thị Quốc T số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:*

[1.1] Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị Quốc T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh Nguyễn Văn N trả số tiền gốc còn nợ là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thay đổi này không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Quốc T, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn anh Nguyễn Văn N có nợ tiền của chị Dương Thị Quốc T, điều đó đã được thể hiện qua biên nhận ngày 06 tháng 3 năm 2023 là anh N có hỏi của chị T số tiền là 100.000.000.000 đồng và hẹn 02 tháng sẽ trả lại. Nhưng sau thời gian cam kết anh N vẫn không thanh toán dứt điểm số tiền vay cho chị T. Vì vậy, việc khởi kiện của chị T là có căn cứ, còn anh N không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với lãi suất, các đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét..

[4] Từ những nhận định trên, đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền 100.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, anh Nguyễn Văn N chịu toàn bộ án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ; chị Dương Thị Quốc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 71, các Điều 91, 144, 147, Điều 217, Điều 218, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 335, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Quốc T, buộc anh Nguyễn Văn N trả cho chị Dương Thị Quốc T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

2.1. Anh Nguyễn Văn N phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Chị Dương Thị Quốc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004566 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng